Họ và tên: ………………………………………….

**BÀI TẬP PHẦN MEN ĐEN VÀ DI TRUYỀN HỌC**

**Câu 1:**Trong quá trình giao phấn ở cây đậu Hà Lan, để ngăn ngừa sự tự thụ phấn, Menđen đã tiến hành khử nhị trên bông hoa của cây nào và vào thời điểm nào?

A. Cây chọn làm bố, khi nhị chưa chín.

B. Cây chọn làm bố, khi nhị đã chín.

C. Cây chọn làm mẹ, khi nhị chưa chín.

D. Cây chọn làm mẹ, khi nhị đã chín.

**Câu 2:** Thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Menđen có kết quả là:

A. F1 đồng tính về tính trạng của bố và mẹ, F2 có sự phân li tính trạng theo tỉ lệ trung bình 3 : 1.

B. F1 đồng tính về tính trạng của bố hoặc mẹ, F2 có sự phân li tính trạng theo tỉ lệ trung bình 3 : 1.

C. F1 đồng tính về tính trạng của bố và mẹ, F2 có sự phân li tính trạng theo tỉ lệ trung bình 9 : 3 : 3 : 1.

D. F1 đồng tính về tính trạng của bố hoặc mẹ, F2 có sự phân li tính trạng theo tỉ lệ trung bình 9 : 3 : 3 : 1.

**Câu 3**: Khi lai 2 cơ thể bố mẹ thuần chủng khác nhau về 1 cặp tính trạng tương phản thì

A. F1 phân li theo tỉ lệ 3 trội : 1 lặn. B. F2 phân li theo tỉ lệ 3 trội : 1 lặn.

C. F1 phân li theo tỉ lệ 1 trội : 1 lặn. D. F2 phân li theo tỉ lệ 9 : 3 : 3 : 1.

**Câu 4:** Phương pháp nghiên cứu độc đáo của Men Đen là phương pháp

A. phân tích các thế hệ lai. B. lai hai cặp tính trạng.

C. lai một cặp tính trạng. D. lai phân tích.

**Câu 5.** Phép lai nào sau đây tạo ra con lai đồng tính, tức chỉ xuất hiện duy nhất một kiểu hình?

A. AABb x AABb. B. AaBB x Aabb. C. AAbb x aaBB. D. Aabb x aabb.

**Câu 6.** Trong phép lai 2 cặp tính trạng của Menđen ở cây đậu Hà Lan, khi phân tích từng cặp tính trạng thì ở F2­ tỉ lệ của mỗi cặp tính trạng là:

A. 9:3:3:1. B. 3:1. C. 1:1. D. 1:1:1:1.

**Câu 7:** Cơ thể mang kiểu gen AABbddEE khi giảm phân bình thường cho số loại giao tử là:

A. 1 B. 2 C. 8 D. 4

**Câu 8:** Ở đậu Hà Lan, cho biết tính trạng thân cao trội hoàn toàn so với tính trạng thân thấp. Khi cho cây đậu thân cao dị hợp lai phân tích thì kết quả thu được là:

A. toàn thân cao. B. toàn thân thấp. C. tỉ lệ 1 thân cao : 1 thân thấp. D. tỉ lệ 3 thân cao : 1 thân thấp.

**Câu 9:** Kiểu gen nào sau đây là thể đồng hợp?

A. aaBb. B. aaBB. C. AABb. D. Aabb.

**Câu 10**.Cơ thể mang kiểu gen BBCcDd qua quá trình phát sinh giao tử bình thường, cho số loại giao tử là:

 A. 2 loại. B. 6 loại. C. 4 loại. D. 8 loại.

**Câu 11**.Thực hiện phép lai P: AABB x aabb. Sau đó cho F1 tự thụ phấn thì các kiểu gen thuần chủng xuất hiện ở con lai F2 là:

A. AABB, Aabb, AABb và aabb. B. AABB, aaBB, AaBb và aabb.

C. AABB, Aabb, aaBB và aabb. D. AABB, AAbb, aaBB và aabb.

**Câu 12**. Phép lai nào sau đây tạo ra nhiều kiểu gen nhất ở F1?

A. BbDd x BbDd. B. BbDd x Bbdd. C. BBDd x BbDD. D. bbDd x bbDd.

**Câu 13**. Phép lai nào sau đây cho kết quả ở con lai **không** đồng tính?

 A. P: DD x dd. B. P:DD x DD. C. P: Dd x dd. D. P: dd x dd

**Câu 14:**Cho biết quá trình giảm phân không xảy ra đột biến, các gen phân li độc lập và tác động riêng rẽ, các gen trội là trội hoàn toàn. Theo lí thuyết, phép lai AaBb x AABb cho đời con có tối đa:

A. 9 loại kiểu gen và 4 loại kiểu hình. B. 3 loại kiểu gen và 2 loại kiểu hình.

C. 6 loại kiểu gen và 2 loại kiểu hình. D. 12 loại kiểu gen và 4 loại kiểu hình.

**Câu 15**. Ở 1 loài lúa, gen A: hạt tròn, gen a: hạt dài, gen B: chín sớm, gen b: chín muộn. Cho giao phấn giữa cây hạt tròn, chín sớm với cây hạt dài, chín muộn thì kết quả thu được ở F1 là 289 cây hạt tròn, chín sớm; 305 cây hạt tròn, chín muộn; 299 cây hạt dài, chín sớm; 301 cây hạt dài, chín muộn. Kiểu gen của P phù hợp với kết quả phép lai trên là

A. P: AaBb x aabb. B. P: AaBb x aaBB. C. P: AaBb x Aabb. D. P: AaBb x aaBB.

**Xép phép lai : AaBbdd x aaBbDd**

**Câu 16**: Tỉ lệ xuất hiện ở đời F1 kiểu gen AaBbDd là:

A. 1/8 B. 1/16 C. 1/4 D. 3/16

**Câu 17**: Tỉ lệ xuất hiện F1kiểu hình (A-bbD-)

A. 1/8 B. 1/16 C. 1/4 D. 3/16